#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CP CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

**Năm báo cáo: 2013**

1. Thông tin chung
2. ***Thông tin khái quát***

- Tên giao dịch: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật hàng hải

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0200563063 đăng ký lần đầu ngày 29/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 14/6/2011.

- Vốn điều lệ: 54.998.110.000 VND

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:54.998.110.000 VND

- Địa chỉ: 8A Đường vòng Vạn Mỹ, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Số điện thoại: 0313.766.561

- Số fax: 0313.765.771

- Website: www.maserco.com.vn

- Mã cổ phiếu (nếu có): MAC

1. ***Quá trình hình thành và phát triển***

Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải tiền thân là Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải được thành lập theo Quyết định số 695/QĐ/TCCB-LĐ ngày 13/04/1993 của Bộ GTVT do Bộ trưởng ký thành lập DNNN là: ***Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải I.*** Đến năm 2000 Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là đơn vị chủ quản đã quyết định cải cách Công ty bằng phương án thay đổi nhân sự cấp cao của Công ty, đồng thời hỗ trợ một phần vốn và dịch vụ khác để tạo đà cho Công ty phát triển. Để tăng hiệu quả hơn nữa hoạt động SXKD và thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước trong việc đổi mới các Doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh cho các Doanh nghiệp khi tham gia hội nhập, tháng 9/2003 Công ty đã tiến hành cổ phần hoá nhằm đa dạng hoá sở hữu, đa dạng các yếu tố cạnh tranh làm động lực phát triển và xác lập mô hình hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường.

Với số vốn điều lệ ban đầu là 4 tỷ đồng, trong đó phần góp vốn của Tổng Công ty Hàng hải (đại diện vốn Nhà nước) là 1,2 tỷ đồng (chiếm 30%) và các cổ đông là CBCNV trong Công ty là 2,8 tỷ đồng (chiếm 70%).

Theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc chuyển DNNN Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải I trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần

Gọi là: *Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải*

Sau khi tiến hành cổ phần hoá, Công ty đã tổ chức sắp xếp lại mô hình quản lý và hoạt động SXKD, giải quyết các lao động dôi dư theo Nghị định 41/CP của Chính phủ, đồng thời tuyển dụng thêm một số CBCNV phù hợp với các loại hình kinh doanh dịch vụ mới. Công ty tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực các ngành nghề truyền thống: gia công cơ khí, đóng mới và sửa chữa phương tiện thuỷ từ chỗ chỉ đóng mới các loại tàu 1.000 tấn thì nay đã đóng được các loại tàu có trọng tải đến 4.000 tấn.

Trong giai đoạn 2004 đến 2007, Công ty đã tiến hành tăng vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đã ba lần phát hành trái phiếu chuyển đổi và hai lần phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Kết quả của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi lần thứ nhất và phát hành cổ phiểu thưởng lần thứ nhất làm vốn điều lệ công ty tăng lên là 8 tỷ đồng. Kết quả của việc phát hành cổ phiếu thưởng lần thứ hai làm vốn điều lệ Công ty tăng lên 10 tỷ đồng. Kết quả của việc phát hành trái phiếu chuyển đổi lần thứ hai và lần thứ ba làm vốn điều lệ của Công ty tăng lên 32 tỷ đồng. Năm 2010 công ty thực hiện xong kế họach tăng vốn điều lệ từ 32 tỷ đồng lên 55 tỷ đồng từ nguồn chia cổ phiếu thưởng năm 2009 và phát hành 1,9 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đ/ cổ phiếu.

1. ***Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

**Ngành nghề kinh doanh**

* Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hóa; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
* Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc, container;
* Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Sản xuất các cấu kiện kim loại;
* Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
* Bốc xếp hàng hóa;
* Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
* Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
* Sửa chữa vỏ container;
* Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy;
* Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;
* Đóng tàu và cấu kiện nổi;
* Sửa chữa máy móc, thiết bị;
* Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
* Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
* Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
* Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
* Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
* Bán buôn thực phẩm;

**Địa bàn kinh doanh:**

- Trụ sở chính: số 8A Đường vòng Vạn Mỹ, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Bãi Maserco 02: số 173 Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Chi nhánh miền nam: số 97/48 đường số 08, Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Hồ Chí Minh

1. ***Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý***

* **Mô hình quản trị.**

Ban công bố thông tin

Đại Hội đồng cổ đông

Chi nhánh miền nam

Phòng

Tổ chức sản xuất

Phòng

Kinh doanh

Phòng

Tài chính Kế toán

Phòng

Thương vụ - Vật tư

Phòng

Tổ chức Hành chính

Phó GĐ 1

Giám đốc

Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Phó GĐ 2

* **Cơ cấu bộ máy quản lý.**

1. Đại hội đồng cổ đông:là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị:

1. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
4. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
5. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
6. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
7. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
8. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
11. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

3. Giám đốc công ty:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
4. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
5. Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Phó giám đốc công ty

***a. Chức năng, nhiệm vụ:***

- Giúp việc cho Giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Giám đốc;

- Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về hiệu quả các hoạt động.

***b. Quyền hạn:***

Theo ủy quyền bằng văn bản của Giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc.

1. Tình hình hoạt động trong năm
2. ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh***

Đánh giá một cách tổng quát về KQSXKD năm 2013: Mặc dù thị trường còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế nhưng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, Ban giám đốc, cùng nỗ lực của tập thể CBCNV, kết quả là chúng ta đã đạt và vượt được các chỉ tiêu cơ bản do ĐHĐCĐ năm 2013 đề ra:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2013** | **Thực hiện 2013** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 87.371.112.332 | 109 % |
| Tổng Chi phí | 78.500.000.000 | 85.456.210.832 | 108 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.500.000.000 | 1.914.901.500 | 127 % |

1. ***Tổ chức và nhân sự***

***Hội đồng quản trị***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| -Ông Nguyễn Văn Cường | Chủ tịch |  |
| -Ông Tạ Mạnh Cường | Ủy viên |  |
| -Ông Ngô Long Giang | Ủy viên |  |
| -Ông Phạm Văn Cát | Ủy viên |  |
| -Ông Nguyễn Văn Thủy | Ủy viên |  |
| -Ông Nguyễn Văn Dung | Ủy viên |  |
| -Bà Triệu Thị Thu Hạnh | Ủy viên |  |

***Ban Giám đốc***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ông Nguyễn Văn Cường | Giám đốc |  |
| Ông Phạm Văn Thót | Phó Giám đốc |  |
| Ông Phạm Văn Cát | Phó Giám đốc |  |

***Tiểu sử tóm tắt hội đồng quản trị***

* **Ông: NGUYỄN VĂN CƯỜNG -** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/11/1965

Địa chỉ thường trú: 243 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: PTTH

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Vận tải Biển

Quá trình công tác:

* 1990 – 1993: Công ty Liên doanh Germartrans Việt Nam
* 1993 – 2000: Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận Chuyển (Germadept)
* 2000 – 2003: Công ty Cung ứng và dịch vụ Hàng hải I
* 2003 – nay: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: TẠ MẠNH CƯỜNG -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 30/01/1965

Địa chỉ thường trú: 22/67 Tô Hiệu, Trại Cau, Lê Chân, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1988 – 1992: Xí nghiệp giày dép số 5 Hải Phòng
* 1992 – 2000: Công ty liên doanh TNHH GIANT-V
* 2001 – 2010: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* 2010 - nay: Công ty CP vận tải xếp dỡ Cảng Hải An

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: NGUYỄN VĂN THỦY -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/08/1962

Địa chỉ thường trú: Số 244 Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: Đại Học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vỏ tàu thủy, cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1980 – 1985: Sinh viên trường ĐH Hàng Hải
* 1985 – Tháng 04/1986: Chờ phân công công tác
* 1986 – 2002: Cán bộ kỹ thuật, Phó quản đốc Xưởng đóng tàu Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* 2007 – nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần đóng mới và sửa chữa tàu Hải An

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: NGUYỄN VĂN DUNG -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/01/1966

Địa chỉ thường trú: 66 Cầu Cáp – Lam Sơn – Lê Chân – Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

* 1986 - 1996: Thợ máy tàu biển, Công ty vận tải biển Pha sông thuộc bộ giao thông
* 1996 - 2002: Công tác tại Công ty cổ phần liên hiệp vận chuyển (GMD)
* Từ 2002 cho đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Bà: TRIỆU THỊ THU HẠNH -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 29/01/1964

Địa chỉ thường trú: 15/174 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

* 1988 - 1991: Làm việc tại Công ty công nghệ phẩm Minh Khai
* 1992 - 2004: Làm tại Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải
* Từ 2005 cho đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

* **Ông: PHẠM VĂN CÁT -** Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 25/12/1956

Địa chỉ thường trú: Số 3/319 Tập thể thủy sàn, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

* 1974 - 1980: Bộ đội tại BCH quân sự tỉnh Hải Hưng
* 1981 - 1982: Cán bộ tại trường thương binh Khoái Châu – Châu Giang – Hải Hưng
* 1982 – 1987: Sinh viên trường ĐH Hàng hải Việt Nam
* 1982 - nay: Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**Kế toán trưởng**

* **Bà: TRẦN THANH NHÀN -** Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 31/01/1972

Địa chỉ thường trú: Số 7/43 Lê Đại Hàng – Hồng Bàng – Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Quá trình công tác:

* Từ nhỏ đến 1994: đi học
* Từ năm 1995 đến năm 2004: công tác tại Cty giầy Hợp Lực nay là Cty giầy Phúc An
* Từ năm 2005 đến nay: công tác tại Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

#### **Tỉ lệ sở hữu cổ phần cổ đông nội bộ và người có liên quan**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN CỔ ĐÔNG** | **Giới tính** | **Loại cổ đông** | **Số CMT/HC của CĐNB** | **Quan hệ với CĐNB** | **CT HDQT,Gđ** | **Ngày  bổ nhiệm (dd/mm/yyyy)** | **SL cổ phiếu nắm giữ** | **Địa chỉ** |
|
| **1** | **Nguyễn Văn Cường** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **030949213** |  | **CT HDQT,Gđ** | **20/09/03** | **44,072** | **243 Hàng Kênh, Lê chân, HP** |
| **2** | **Vũ T.Thanh Hương** | **1-Nữ** | **NCLQ** | **031192316** | **6-Vợ** |  |  | **9,982** | **243 Hàng Kênh, Lê chân, HP** |
| **3** | **Nguyễn Văn Hùng** | **0-Nam** | **NCLQ** | **031224025** | **9-Anh ruột** |  |  | **7,323** | **Đình Đông, Lê Chân, HP** |
| **4** | **Tạ Mạnh Cường** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **031600536** |  | **UV HDQT** | **20/09/03** | **26,548** | **22/67 Tô Hiệu , Lê Chân, HP** |
| **5** | **Nguyễn Thị Vân** | **1-Nữ** | **NCLQ** | **031058943** |  | **TV.Ban KS** |  | **8,000** | **14/1/437 Đà Nẵng, Hải An, Hp** |
| **6** | **Phạm Văn Cát** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **031412164** |  | **UV HDQT** | **20/09/03** | **28,825** | **3/319 Tập thể thủy sản, NQ, Hp** |
| **7** | **Nguyễn Văn Thủy** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **030638790** |  | **UV HDQT** | **20/09/03** | **20,360** | **244 Trường Chinh, Kiến An, Hp** |
| **8** | **Triệu T.Thu Hạnh** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **030926737** |  | **UV HDQT** | **28/04/07** | **24,245** | **15/174 Văn Cao, Ngô Quyền, Hp** |
| **9** | **Nguyễn Văn Dung** | **0-Nam** | **Nội bộ** | **031432616** |  | **UV HDQT** | **20/09/03** | **14,245** | **66 Cầu Cáp, Lam Sơn,LC, Hp** |
| **10** | **Lê T.Hoàng Trinh** | **1-Nữ** | **Nội bộ** | **030774790** |  | **T.banKS** | **28/04/07** | **12,355** | **59+60 gác 2CT2 Lô 3 TT TP,NQ, Hp** |
| **11** | **Trần Thanh Nhàn** | **1-Nữ** | **Nội bộ** | **030819277** |  | **Kế TT** | **01/06/09** | **9,500** | **7/43 Lê Đại Hành, Hồng Bàng, Hp** |
| **12** | **Trịnh T.Thu Trang** | **1-Nữ** | **Nội bộ** | **031045856** |  | **Người CBTT** | **01/07/10** | **7,900** | **54 Đông Khê, Ngô Quyền, Hp** |

* Những thay đổi trong ban điều hành: Không
* Số lượng cán bộ, nhân viên.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị | Số lượng người | Trình độ học vấn | | |
| Thạc sỹ | Đại học | Cao đẳng, Trung cấp |
| Ban giám đốc | 03 | 1 | 02 |  |
| Phòng Tổ chức hành chính | 06 |  | 02 | 04 |
| Phòng Kế toán tài chính | 06 |  | 06 |  |
| Phòng Kinh doanh | 24 |  | 22 | 2 |
| Phòng Thương vụ vật tư | 05 |  | 05 |  |
| Phòng Tổ chức sản xuất | 130 |  | 12 | 118 |
| Chi nhánh miền nam | 58 |  | 11 | 47 |
| **Tổng số** | 232 | 1 | 60 | 171 |

1. ***Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án***

# Các khoản đầu tư lớn:



1. Các công ty liên quan:

Tại thời điểm 31/12/2013, khoản góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư) với tỷ lệ 55% vốn điều lệ tại 31/12/2013, tương đương 886.050.000 VND. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ngày 20/12/2010, Hội đồng thành viên Công ty này đã thống nhất chuyển quyền chi phối của bên Việt Nam là Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco) cho bên nước ngoài là ông Iwasaki Yoshinobu, theo đó, bên nước ngoài có toàn quyền biểu quyết, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên đối với Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco. Bên nước ngoài được coi là Công ty mẹ và bên Việt Nam chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco

1. ***Tình hình tài chính***
2. **Tình hình tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2012 | % tăng giảm |
| Tổng giá trị tài sản  Doanh thu thuần  Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  Lợi nhuận khác  Lợi nhuận trước thuế  Lợi nhuận sau thuế  Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tứ | 101.215.391.723  83.227.255.546  788.638.966  1.126.262.534  1.914.901.500  1.914.901.500  348 | 107.783.690.615  77.553.677.340  -3.156.840.318  5.320.457.885  2.163.617.567  1.169.125.704  213 | 0.93 %  1.07  0.24  0.21  0.88  1.63  1.63 |

1. **Các chỉ tiêu khác:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Các chỉ tiêu* | Năm 2013 | Năm 2012 | Ghi chú |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng thanh toán*  * *Hệ số thanh toán ngắn hạn:*   *Đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn*   * *Hệ số thanh toán nhanh:*   *Hàng tồn kho*  *Nợ ngắn hạn* | 1.799  29.85 | 0.48  21.84 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về cơ cấu vốn*  * *Hệ số Nợ/Tổng tài sản* * *Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu* | 27.53  38.0 | 33.7  50.8 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về năng lực hoạt động*  * *Vòng quay hàng tồn kho:*   *Giá vốn hàng bán*  *Hàng tồn kho bình quân*   * *Doanh thu thuần/Tổng tài sản* | 82.22 | 0.71 |  |
| 1. *Chỉ tiêu về khả năng sinh lời*  * *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần* * *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu* * *Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản* * *Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần* | 2.3  2.61  1.89  0.94 | 1.5  1.6  1.0  -4.0 |  |

1. ***Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn điều lệ: 54.998.110.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND.

1. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu

Cổ đông lớn:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Cổ đông | Tỷ lệ góp vốn(%) | Số lượng cổ phần nắm giữ |
| 1 | Trong nước,  *trong đó:*   * Tổ chức trong nước. * Cá nhân trong nước   Nước ngoài,  *Trong đó:*   * Tổ chức nước ngoài * Cá nhân nước ngoài | 25.618 %  73.27%  0.1636%  0.002036 % | 1.408.946  4.029.838  9.000  112 |
| 2 | Phân loại khác  Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên | 10 % | 555.700 |

1. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:



Khoản giảm của quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.
2. Cổ phiếu:



1. Các chứng khoán khác: Không
2. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Đánh giá một cách tổng quát về KQSXKD năm 2013: Mặc dù thị trường còn nhièu khó khăn do ảnh hưởng bởi khủng hoảng kinh tế nhưng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, Ban giám đốc, cùng nỗ lực của tập thể CBCNV, kết quả là chúng ta đã đạt và vượt được các chỉ tiêu cơ bản do ĐHĐCĐ năm 2013 đề ra:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2013** | **Thực hiện 2013** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 87.371.112.332 | 109 % |
| Tổng chi phí | 78.500.000.000 | 85.456.210.832 | 108 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.500.000.000 |  |  |

***1. Những thuận lợi và khó khăn trong hoạt động SXKĐ.***

*Thuận lợi*

* Có sự quan tâm của Hội đồng quản trị Công ty.
* Sự điều hành nhạy bén, năng động và quyết đoán của ban lãnh đạo Công ty.
* Hệ thống đối tác, khách hàng ngày càng ổn định và xây dựng được nhiều mối quan hệ với các khách hàng tiềm năng.
* Năm vừa qua Công ty đã đào tạo được đội ngũ cán bộ trẻ và năng động sáng tao, được đào tạo chính quy, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, ngày càng được nâng cao về trình độ và kinh nghiệm.
* Mô hình công ty xây dựng đã dần ổn định, có chế độ tuyển dụng và đãi ngộ người lao động hợp lý, tạo được môi trường làm việc tốt nhất để khuyến khích người lao động.
* Tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty đoàn kết nhất trí và nỗ lực, quyết tâm phấn đấu vì sự phát triển chung của Công ty.

*Khó khăn và thách thức:*

* Ảnh hưởng ngày càng trầm trọng của khủng hoảng kinh tế thế giới và trong nước ngày càng kéo dài và càng có nhiều những tác động hết sức bất lợi cho hoạt động SXKD của Công ty.
* Về khách quan: Thị trường vận tải chung suy giảm dẫn đến mức độ cạnh tranh về các dịch vụ hàng hải cũng rất khốc liệt nên chính ở các dịch vụ có thế mạnh của công ty như sản xuất, lắp ráp thiết bị treo, sửa chữa container...tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh do chúng ta phải liên tục giảm giá bán cho khách hàng và phải chia sẻ thị phần
* Do điều kiện khách quan của thị trường, một số khách hàng của Công ty cũng gặp nhiều kho khăn trong việc thực hiện các dịch vụ, các hợp đồng nên dẫn đến việc chậm thanh toán và nợ quá hạn không có khả năng thanh toán gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.
* Có sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực gia công lắp ráp cont’ treo, cung ứng.
* Ngoài các khó khăn khách quan do khủng hoảng kinh tế gây ra chúng ta phải đương đầu với một số khó khăn nội tại: Như sản lượng cung ứng nước ngọt giảm sút mạnh (đến giờ chúng ta chỉ chiếm khoảng 30% thị phần bằng một nửa so với trước kia) mặc dù chúng ta đã hoán cải 02 phương tiện cấp nước cho tàu. Việc tổ chức dây chuyền sản xuất gia công cơ khí – dịch vụ container chưa thực sự tối ưu, sự gắn kết và phối hợp giữa các bộ phận còn yếu dẫn đến năng suất lao động thấp, giá thành cao. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực hiện thời chất lượng không cao, có kinh nghiệm nhưng chưa quen với tác phong làm việc công nghiệp và bị hạn chế điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

***2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ trương và biện pháp trong năm 2014:***

*Đánh giá tình hình năm 2014:*

- Nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục trì trệ chưa có tín hiệu tích cực để vượt qua suy thoái nên thị trường dịch vụ Hàng Hải cũng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Nhìn chung đối với tất cả các ngành nghề dịch vụ hiện có của Công ty sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm nay do mức độ cạnh tranh gay gắt hơn về giá và chất lượng, do các sức ép về cắt giảm chi phí của khách hàng, trong khi giá cả vật tư, nguyên, nhiên liệu đầu vào đã và sẽ tiếp tục tăng mạnh.

- Ngay trong năm 2013 Ban giám đốc công ty đã có sự chuẩn bị chu đáo vừa đảm bảo ổn định sản xuất, hoàn thành vượt kế hoạch, vừa chuẩn bị cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị phục vụ cho kế hoạch năm 2014.

- Sớm khắc phục những yếu kém nội tại, tổ chức dây chuyền sản xuất hợp lý, tăng năng suất lao động và tiếp tục nghiên cứu cung cấp những sản phẩm, dịch vụ mới với các giá trị gia tăng trên cơ sở các sản phẩm truyền thống sẵn có, chúng ta sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng thị phần và gia tăng hiệu quả kinh doanh.

***+Năm 2013:***

- Chúng ta đã hoàn thành việc cải tạo xưởng đóng tàu 173 Ngô Quyền và quy hoạch khu 8A:

Tổ chức lại lực lượng sản xuất đảm bảo tận dụng tối đa năng lực thiết bị, con người hiện có. Trong đó trọng tâm là củng cố bộ phận gia công – lắp đặt thiết bị treo (tính đến nay công ty đã ký hợp đồng cung cấp xà treo cho Mearsk line, Hanjin và APL – là ba hãng tàu hàng đầu thế giới, với sản lượng dự kiến trong năm 2014 khoảng 20 tỷ đồng).

- Chúng ta đã đầu tư thay thế các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp đã cũ không phù hợp, cụ thể

+ 01 xe nâng rỗng hiệu Terex sức nâng 7.5 Tấn trị giá 95.000 Euro (khoảng 2.6 tỷ đồng) và đã đưa vào hoạt động.

+ 01 xe nâng hàng hiệu Sisu 40 T do Phần Lan sản xuất trị giá khoảng 2.1 tỷ đồng.

+ 01 xe nâng Fantuzzi FDC 250 S8 trị giá 1.6 tỷ đồng.

+ hoán cải cặp đầu kéo và xà lan nước Maserco 06 thành tàu chở nước tự hành khoảng 1 tỷ đồng.

+ 01 xe tải 2,5 T cho chi nhánh Miền Nam khoảng 500 tr.

+ Máy đột dập, công cụ cầm tay, máy tính, phần mềm quản lý thông tin... khoảng 300 tr.

- Ngoài việc phát triển các hoạt động chính như trên, Công ty tiếp tục mở rộng các dịch vụ khác nhằm hoàn thiện thêm hoạt động sản xuất của mình, tăng thêm việc làm cho người lao động như: Uỷ thác giao nhận, vận chuyển hàng hoá, vệ sinh sửa chữa container lưu động...đến nay Công ty đã ký được hợp đồng sửa chữa và vệ sinh container với một số Cảng như Đoạn Xá, PTSC...và sẽ tiếp tục khai thác mở rộng thêm dịch vụ này.

Năm 2013 đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh tại CAMPUCHIA , và đã bắt đầu triển khai sản xuất từ tháng 8 đến hết năm 2013 sản lượng đạt khỏang 2.5 tỷ đồng.

Dựa trên những nhận định về tình hình thị trường trong năm 2014, Ban giám đốc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2014 như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Thực hiện 2013** | **KH 2014** |
| Tổng doanh thu | 87.371.112.332 | 80.000.000.000 |
| Tổng chi phí | 85.456.210.832 | 77.000.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.914.901.500 | 3.000.000.000 |

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đương nhiệm thuộc nhiệm kỳ 2012 – 2017, gồm có 7 thành viên, hiện đều đủ tư cách là thành viên của HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty đã đăng ký niêm yết tại Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước Việt nam. Trong số 7 thành viên, có 4/7 thành viên không trực tiếp và 3/7 thành viên trực tiếp tham gia điều hành SXKD của Công ty.

Được sự tín nhiệm của Đại hội đồng cổ đông trong năm qua HĐQT, ban điều hành Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đó là:

***1.Kết quả kinh doanh năm 2013:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch 2013** | **Thực hiện 2013** | **Tỷ lệ %** |
| Tổng Doanh thu | 80.000.000.000 | 87.371.112.332 | 109 % |
| Tổng chi phí | 78.500.000.000 | 85.456.210.832 | 108 % |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.500.000.000 | 1.914.901.500 | 127 % |

***2. Chỉ đạo Ban giám đốc triển khai tổ chức SXKD:***

Trong năm qua HĐQT đã luôn sâu sát chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty quyết liệt triển khai việc cơ cấu lại mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh. Tập trung cao vào các ngành nghề kinh doanh có lợi nhuận, kiên quyết tạm dừng hoặc chấm dứt các lĩnh vực kinh doanh không đem lại lợi nhuận. Vì thế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định và có hiệu quả. Uy tín kinh doanh ngày càng được nâng cao. Cụ thể;

- Khu vực phía Bắc: mặc dù năm 2012 là năm chúng ta hoàn thiện nốt phần đầu tư xây dựng bãi, nhà xưởng vừa tổ chức kinh doanh khai thác depot container có hiệu quả.

- Chi nhánh Miền Nam tại Tp. HCM được đầu tư thêm phương tiện, máy móc để triển khai việc gia công sản xuất thiết bị treo cho các hãng tàu MSK, APL, HJS nâng cao hiệu quả SXKD.

- Bổ sung thiết bị, công nhân cho Chi nhánh Đà nẵng, nâng cao chất lượng dịch vụ và xét về hiệu quả tính trên đầu người thì đây đang là đơn vị dẫn đầu về hiệu quả.

- Bắt đầu từ tháng 8/2013 đã chính thức triển khai dịch vụ sửa cont và cont treo tại CPC – một thị trường đang phát triển rất mạnh, sản lượng từ T8-T12/2013 đạt khoảng 2.5 tỷ đồng.

- Tiếp tục hợp tác với BOSA tổ chức phân phối sản phẩm thịt bò sạch tại thị trường Hải phòng và sđạt kết quả tốt.

**Công tác quản trị nội bộ Công ty:**

Hội đồng quản trị đã từng bước thực hiện đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

* Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khóa năm 2013 thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2013 của Công ty.
* Tổ chức họp HĐQT 04 lần nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quản lý giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết và chỉ tiêu kế hoạch năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.
* Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công tham gia quản lý các công ty có vốn góp của Công ty như: Công ty CP hàng hải Nam Dương, Công ty CP Xếp dỡ Cảng Hải An đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, hầu hết các Công ty này đều đạt lợi nhuận khá.
* Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: việc công bố các thông tin kịp thời , đày đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán nhà nước... thực hiện tốt các Quy định của Luật chứng khoán đối với Công ty đã niêm yết trên thị trường.
* Công tác đảm bảo quyền lợi người lao động:

Xây dựng và thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

Thực hiện tốt công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho toàn thể cán bộ công nhân viện, thanh toán lương đày đủ và đúng hạn.

Thường xuyên duy trì chế độ khen thưởng, kỷ luật và kịp thời động viên tinh thần làm việc của CBCNV. Đảm bảo chế độ tháng lương thứ 13 và các chế độ khen thưởng vào các dịp lễ Tết trong năm 2013

**PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2014**.

**I. Nhận định chung**:

Theo nhận định của các nhà kinh tế năm 2014, trước dự báo nền kinh tế thế giới và nước ta sẽ còn gặp nhiều khó khăn, khối doanh nghiệp vừa và nhỏ còn phải chịu nhiều ảnh hưởng. Thêm vào đó tổng thu ngân sách của Việt nam đã giảm mạnh trong năm 2013, đồng nghĩa với việc thiếu đi những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp của Nhà nước, dẫn đến số lượng doanh nghiệp thu hẹp, giải thể, phá sản sẽ còn tiếp diễn. Trước viễn cảnh đó các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải nhanh chóng cơ cấu lại sản xuất, loại bỏ những mảng kinh doanh, dịch vụ không cần thiết, sản xuất kinh doanh cầm chừng chờ thời cơ thay vì cố gắng mở rộng sản xuất.

Từ những tình hình trên căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013, HĐQT đã thống nhất trình ĐHCĐ các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 như sau:

- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

*( đồng)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Thực hiện 2013** | **Kế hoạch 2014** | **2014/2013** |
| Tổng doanh thu | 87.371.112.332 | 80.000.000.000 | 91% |
| Tổng chi phí | 85.456.210.832 | 77.000.000.000 | 90% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.914.901.500 | 3.000.000.000 | 156% |
|  |  |  |  |

**II. Kế hoạch hoạt động của hội đồng quản trị năm 2014:**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch 2014 đạt hiệu quả

- Nắm bắt kịp thời tình hình phát triển trong nước và quốc tế , những chính sách của Nhà nước để điều chỉnh và bổ sung cho công tác quản lý, điều hành sản xuất hạn chế những rủi ro cho Công ty.

- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết các kiến nghị của Ban Giám đốc, thảo luận thông qua các phương án dự án trong SXKD của Công ty.

- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh tốt.

1. Quản trị công ty

**Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

1. ***Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành viên** | **Chức danh** | **Số buổi họp tham dự** | **Tỷ lệ** | **Lý do không tham dự** |
| 1 | Nguyễn Văn Cường | Chủ tịch HĐQT | 4 | 100% |  |
| 2 | Tạ Mạnh Cường | ủy viên | 4 | 100% |  |
| 3 | Nguyễn Văn Thủy | ủy viên | 4 | 100% |  |
| 4 | Nguyễn Văn Dung | ủy viên | 4 | 100% |  |
| 5 | Triệu Thị Thu Hạnh | ủy viên | 4 | 100% |  |
| 6 | Phạm Văn Cát | ủy viên | 4 | 100% |  |
| 7 | Ngô Long Giang | Ủy viên | 4 | 100% |  |

2. ***Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc :***

**+** Triển khai thực hiện các nội dung khác trong nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2013 được tổ chức vào ngày 3/5/2013, đảm bảo thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**+**Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, sở GDCK hà Nội và trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam liên quan đến việc thay đổi nhân sự chủ chốt trong HĐQT công ty,

**+** Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ.

**+** Phối hợp chỉ đạo công tác Công Đoàn và Đoàn thanh niên trong Công ty, thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT….

**+** Trong công tác quan hệ cổ đông: HĐQT Công ty luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua báo chí, Website Công ty, công bố thông tin…

***3.Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:***

Ban thư ký là bộ phận giúp việc cho HĐQT Công ty có các hoạt động chủ yếu sau:

+ Đóng vai trò giúp việc tích cực cho các thành viên HĐQT, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

+ Hoạt động tích cực, là cầu nối giữa HĐQT với Ban Giám đốc, vai trò trong việc công bố thông tin theo luật định cũng như việc công bố thông tin đến các cổ đông các hoạt động và sự phát triển của Công ty.Cụ thể, luôn thông tin kịp thời các hoạt động, sự kiện của Công ty đến với các cổ đông qua Website Công ty, công bố thông tin….

**Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số Nghị quyết/ Quyết định** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 1 | Số 02/NQ- HĐQT | 25/1/2013 | Chấp thuận việc miễn nhiệm tư cách TVBKS của Bà Trần Vũ Mai Hoàng. |
| 2 | Số 05/NQ- HĐQT | 7/6/2013 | Phê duyệt việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh. |
| 3 | Số 11/NQ - HĐQT | 12/11/2013 | Thông qua việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn và phương án xử lý Cp lẻ, lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu mới tại VSD và HNX |

**Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán**

Tại kỳ họp ĐHĐCĐ 2013 tổ chức vào ngày 3/5/2013 . Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu lại thành viên ban kiểm soát . Theo đó Công ty đã có sự thay đổi về nhân sự BKS như sau

Miễn nhiệm tư cách thành viên ban kiểm soát của Bà Trần Vũ Mai Hoàng và phê duyệt Ông Vũ Thành Trung – giám đốc danh mục đầu tư ( người đại diện của MBCapital )là thành viên ban kiểm soát.

**Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan**

1. ***Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Số CMND/ ĐKKD | | Ngày cấp CMND/ ĐKKD | Nơi cấp  CMND/ ĐKKD | Địa chỉ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú |
| 1. | Nguyễn Văn Cường | 036C003869 | CT HĐQT,GĐ | 030949213 | 2.8.2001 | | Hải Phòng | 243 Hàng Kênh , LC, HP | 44.072 |  |  |
| 2. | Vũ Thị Thanh Hương | 018C310225 | Vợ | 031224025 |  | | Hải Phòng | 243 Hàng Kênh , LC, HP | 9982 |  |  |
| 3. | Nguyễn Văn Hùng | 021C024733 | Anh ruột | 031224025 |  | | Hải Phòng | Đình Đông, HP | 7323 |  |  |
| 4 | Tạ Mạnh Cường | 036C003386 | TV HĐQT | 031600536 | 26.6.2006 | | Hải Phòng | 22/67 Tô Hiệu, HP | 26.548 |  |  |
| 5 | Phạm Văn Cát | 021C051678 | TV HĐQT | 031412164 | 8.6.2007 | | Hải Phòng | 3/319 TT Thủy sản, Vạn Mỹ,HP | 28.825 |  |  |
| 6 | Nguyễn văn Thủy | 036C003326 | TV HĐQT | 030638790 | 4.4.2007 | | Hải Phòng | 244 Trường Chinh, KA, HP | 20.360 |  |  |
| 7 | Triệu Thị Thu Hạnh | 036C003127 | TV HĐQT | 030926737 | 17.12.2007 | | Hải Phòng | 15/174 Văn Cao, HP | 24.245 |  |  |
| 8 | Nguyễn văn Dung | 018C203326 | TV HĐQT | 031432616 | 18.5.2003 | | Hải Phòng | 66 Cầu Cáp,Lam Sơn,HP | 14.245 |  |  |
| 9 | Lê T. Hoàng Trinh | 036C003114 | TBKS( nhiệm kỳ III) | 030774790 | 18.5.2009 | | Hải Phòng | 59+60 gác 2CT2 lô 3 TT Thái Phiên, HP | 12.355 |  |  |
| 10 | Nguyễn Thị Vân | 021C024787 | TV BKS | 031058943 |  | | Hải Phòng | 14/1/437 Đà nẵng, HP | 8.000 |  |  |
| 11 | Trần Thanh Nhàn | 003C402567 | KTT | 030819277 | 1.10.2004 | | Hải Phòng | 7/43Lê Đại hành,HP | 9.500 |  |  |
| 12 | Trịnh Thị Thu Trang | 021C024709 | NV CBTT | 031045856 | 28.5.1996 | | Hải Phòng | 54 ĐÔng Khê, HP | 7.900 |  |  |

1. ***Giao dịch cổ phiếu:không có***

***3. Các giao dịch khác***: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): không có.

Các vấn đề cần lưu ý khác ;

Công ty đã thực hiện việc công bố thông tin đày đủ và kịp thời đối với những sự kiện thuộc trường hợp bắt buộc phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 52/2012- TT-BTC hiện hành.

1. Ban Kiểm soát

Tại Đại hội đồng thường niên nhiệm kỳ III ( 2012-2017) đã bầu ra ban kiểm soát gồm 3 thành viên

1. Bà Trần Vũ Mai Hoàng

2. Bà Lê Thị Hoàng Trinh

3. Bà Nguyễn Thị Vân

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2013 đã thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban kiểm soát cho Bà Trần Vũ Mai Hoàng với lý do Bà Hoàng đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty CP Quản lý Quĩ đầu tư MB và phê duyệt Ông Vũ Thành Trung - Giám đốc danh mục đầu tư là người đại diện MBCapital tham gia vào ban kiểm soát của Công ty

Các thành viên Ban kiểm soát đã bầu Bà Lê Thị Hoàng Trinh làm trưởng ban

Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và đã xây dựng qui chế hoạt động của Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội hoạt động kiểm soát năm 2013

**I. Kiểm soát thực hiện chỉ tiêu tài chính năm 2013( theo số liệu đã được kiểm toán )**

*Đơn vị tính : Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CHỈ TIÊU** | **Năm 2013** | **Năm 2012** | **So sánh**  **với 2012** | **So sánh**  **KH 2013** |
| 1. Tổng doanh thu | 87.371 | 94.287 | 93% | 104% |
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp DV | 83.227 | 77.553 | 107% |  |
| - Doanh thu hoạt động tài chính | 2.400 | 4.368 | 55% |  |
| - Doanh thu thu nhập khác | 1.744 | 12.366 | 14% |  |
| 2. Tổng chi phí | 85.457 | 94.390 | 98% | 109% |
| - Giá vốn hàng bán | 68.009 | 68.569 | 99% |  |
| - Chi phí hoạt động tài chính | 590 | 4.489 | 13% |  |
| *Trong đó Chi phí lãi vay* | *73* | *66* | *111%* |  |
| - Chi phí khác | 617 | 7.046 | 9% |  |
| - Chi phí bán hàng | 1.453 | 1.693 | 86% |  |
| - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14.788 | 10.327 | 143% |  |
| 3. Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.914 | 2.163 | 88% |  |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | 1.914 | 1.169 | 164% | 128% |
| 5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 348 | 213 | 163% |  |
| 6. Vốn điều lệ | 54.998 | 54.998 |  |  |
| 7. Vốn chủ sở hữu | 73.344 | 71.443 | 103% |  |
| 8. Cổ phiếu | 5.499.811 | 5.499.811 |  |  |

Công ty đã phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu cơ bản mà Đại hội đồng Cổ đông năm 2013 đã đề ra trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn của Công ty và và dư âm của sự suy thoái kinh tế .

**II. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

* Hội đồng quản trị có sự nhất trí cao của các thành viên, HĐQT đã đưa ra những định hướng phát triển dựa trên dự kiến tình hình thị trường, tình hình kinh tế đất nước, thực chất tiềm năng lợi thế của Công ty để đưa ra và quyết định phê duyệt các phương án đầu tư , các biện pháp quản lý , lựa chọn các đối tác tham gia góp vốn…
* Ban Giám đốc đã xây dựng, ban hành một hệ thống các qui trình, qui định, qui chế, về tổ chức quản lý sản xuất , quản lý lao động, vật tư tiền vốn…Phân công , phân nhiệm rõ ràng, rành mạch giao quyền chủ động và phát huy sự sáng tạo, năng động của các đơn vị.
* Công ty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.
* Hội đồng quản trị và Ban giám đốc sinh hoạt hội họp đúng kế hoạch, đúng thời gian, trong sinh hoạt kiểm điểm , đánh giá , bàn bạc, đề ra biện pháp và quyết định những vấn đề lớn về sản xuất, kinh doanh, tài chính, đầu tư , mở rộng và thu hẹp các hoạt động sản xuất kinh doanh không còn phù hợp. Tuy nhiên còn có những vấn đề chưa được giải quyết triệt để, còn những danh mục đầu tư chuyển đổi vẫn chưa được thực hiện.

**III. Kiểm tra công tác tài chính**

* Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách, luật về tài chính, kế toán, các chuẩn mực kế toán, các luật có liên quan : luật thương mại, luật doanh nghiệp, luật thuế… cùng các văn bản hướng dẫn.
* Mở và ghi chép đầy đủ các sổ sách bảng biểu về kế toán theo đúng qui định của luật Kế toán, luật Doanh nghiệp.
* Lưu trữ, bảo quản , sắp xếp các chứng từ , sổ sách tài liệu về kế toán theo qui định
* Báo cáo tài chính được kiểm toán theo đúng chuẩn mực kiểm toán, kế toán Vịêt nam đã đạt được mức độ tin cậy hợp lý trong báo cáo không còn có những sai sót trọng yếu và các vấn đề ngoại trừ.

**IV. Kiến nghị**

* Các qui chế, qui định cần được bổ sung sửa đổi kịp thời và phải được quán triệt đến từng người lao động có liên quan.
* Cần có kế hoạch và biện pháp tích cực thu hồi công nợ về cho Công ty
* Tăng cường hơn nữa năng lực điều hành chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc và HĐQT. Căn cứ vào chiến lược phát triển Công ty để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trẻ để phục vụ Công ty

1. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

**A .Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Công ty chỉ chi tiền thưởng, thù lao theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ. Trong năm 2013 Công ty đã chi tiền thưởng, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Thù lao ( VNĐ)** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn Cường | Chủ tịch HĐQT | 36.000.000 |  |
| 2 | Tạ Mạnh Cường | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 3 | Nguyễn văn Thủy | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 4 | Phạm Văn Cát | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 5 | Nguyễn Văn Dung | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 6 | Triệu Thị Thu Hạnh | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 7 | Ngô Long Giang | Ủy viên HĐQT | 36.000.000 |  |
| 8 | Lê Thị Hoàng Trinh | Trưởng BKS | 18.000.000 |  |
| 9 | Nguyễn Thị Vân | TV BKS | 18.000.000 |  |
| 10 | Vũ Thành Trung | TV BKS | 18.000.000 |  |
| 11 | Trịnh Thị Thu Trang | Thư ký | 18.000.000 |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **324.000.000** |  |

**B . Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Người thực hiện giao dịch** | **Quan hệ với cổ đông nội bộ** | **Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ** | | **Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ** | | **Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)** |
| Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ |
| 1 | Công ty CP quản lý quỹ MB | Cổ đông lớn | 458.300 | 8.33% | 555.700 | 10.1 | Tái cơ cấu danh mục. |

1. Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25/3/2014, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

1. ***Ý kiến kiểm toán***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như trình bày tại thuyết minh số 4.9 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, số tiền 19.094.560.000 VND được trình bày trên khoản mục Đầu tư dài hạn khác có 7.500.000.000 VND là của Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương đầu tư do Công ty đại diện đứng tên sở hữu. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tạ Văn Việt** |  | **Nguyễn Thị Hoa** | |
| **Giám đốc** |  | **Kiểm toán viên** | |
| Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  0045-2013-055-1 |  | Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  0804-2013-055-1 | |
| ***Thay mặt và đại diện cho***  **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  *Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2014* | | |

1. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán***

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu số B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

****

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Mẫu số B 01 - DN**



*Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

**Mẫu số B 02 - DN**

Đơn vị tính: VND

****

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|  |  |  |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

**Năm 2013**

**Mẫu số B 03 - DN**

Đơn vị tính: VND



*Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2013.*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**

***(Theo phương pháp gián tiếp)***

**Năm 2013**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tăng, giảm chi phí trả trước không bao gồm giá trị còn lại của tài sản cố định nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn là 337.339.018 VND.

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2014*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | **Nguyễn Văn Cường** |

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

***Hình thức sở hữu vốn***

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng Hải I, trực thuộc Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0203000582 ngày 29/9/2003, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi: lần thứ nhất ngày 22/10/2004, lần thứ hai ngày 07/4/2006, lần thứ ba ngày 02/10/2006, lần thứ tư ngày 27/9/2007, lần thứ năm ngày 10/3/2009, lần thứ sáu ngày 08/10/2009, lần thứ bảy ngày 24/12/2009, lần thứ tám ngày 04/10/2010, lần thứ chín ngày 20/10/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ mười ngày 14/6/2011, lần thứ mười một ngày 02/8/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Tên tiếng Anh: MARINE SUPPLY AND ENGINEERING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Vốn điều lệ: 54.998.110.000 VND

Mệnh giá cổ phần:   10.000 VND

Vốn pháp định: 6.000.000.000 VND

***Ngành nghề kinh doanh***

* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kê khai hải quan, kiểm đếm hàng hóa; Hoạt động môi giới thuê tàu biển; Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển (bao gồm dịch vụ cung ứng tàu biển); Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
* Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc: Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc, container;
* Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Sản xuất các cấu kiện kim loại;
* Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
* Bốc xếp hàng hóa;
* Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
* Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
* Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: Sửa chữa vỏ container;
* Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác: Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
* Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác):

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải thủy

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải thủy: Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến;

* Đóng tàu và cấu kiện nổi;
* Sửa chữa máy móc, thiết bị;
* Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
* Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
* Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
* Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh: Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến. Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng. Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến. Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến. Bánh, mứt, kẹo.
* Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
* Bán buôn thực phẩm: Đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao. Bán buôn sữa tươi, sữa bột, sữa cô đặc, và sản phẩm sữa như bơ, phomat, mỳ sợi, bún, bánh phở, miến, mỳ ăn liền và các sản phẩm khác chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.

­­­­­­­­­­­­­Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 8A Đường vòng Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Công ty có Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại 97/48 Khu phố 2, Đường số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. **KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

1. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

1. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

* 1. **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính*.* Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

* 1. **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó và được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

* 1. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ trừ khoản có gốc Yên Nhật được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm*.*

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2013 là 21.090VND/USD và 199,60 JPY/VND, 31/12/2012 là 21.040 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

* 1. **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sửa chữa phương tiện thủy được xác định riêng cho từng hạng mục của phương tiện thủy, bao gồm: tổng chi phí phát sinh trong kỳ cộng (+) chi phí dở dang đầu kỳ, nhân (x) tỷ lệ doanh thu của hạng mục chưa được quyết toán trên tổng doanh thu sửa chữa của cả phương tiện thủy.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sửa chữa bộ (container treo, container dán, làm xà) được xác định bằng định mức chi phí nhân (x) số lượng container, xà chưa thực hiện xong.

* 1. **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại tài sản** | **2013** |
|  | **Số năm** |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải | 06 - 15 |
| Dụng cụ quản lý | 03 - 07 |

* 1. **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm ứng dụng quản lý khai thác Container rỗng đưa vào sử dụng từ cuối tháng 12 năm 2012. Khấu hao tài sản này bắt đầu từ ngày 01/01/2013 dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 05 năm, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

* 1. **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình chưa hoàn thành tại thời điểm 31/12/2013. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác tương tự, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

* 1. **Các khoản đầu tư tài chính**
* ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn khác:***

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư Chứng chỉ quỹ Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư MB, lãi nhận được khi hết thời hạn trái phiếu.

* ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác:***

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Hải Minh, Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương, Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco và trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương.

Tại thời điểm 31/12/2013, khoản góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư) với tỷ lệ 55% vốn điều lệ tại 31/12/2013, tương đương 886.050.000 VND. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco ngày 20/12/2010, Hội đồng thành viên Công ty này đã thống nhất chuyển quyền chi phối của bên Việt Nam là Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco) cho bên nước ngoài là ông Iwasaki Yoshinobu, theo đó, bên nước ngoài có toàn quyền biểu quyết, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, quyền bổ nhiệm và bãi nhiệm các thành viên Hội đồng thành viên đối với Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco. Bên nước ngoài được coi là Công ty mẹ và bên Việt Nam chỉ còn quyền chia lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco.

Trong khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An, số tiền 19.094.560.000 VND, trình bày trên khoản mục Đầu tư dài hạn khác, có 7.500.000.000 VND là của Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương đầu tư và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải đại diện đứng tên sở hữu.

Trong năm, Công ty ghi nhận cổ tức tạm được chia năm 2013 với số tiền là 228.798.700 VND từ Công ty Cổ phần Hải Minh và cổ tức Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An 1.739.184.000 VND và hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Khoản trái phiếu không chuyển đổi của Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương với trị giá là 1.080.000.000 VND, trong năm 2013 Công ty thu hồi 540.000.000 VND, do đó số dư khoản đầu tư trên tại 31/12/2013 là 540.000.000 VND. Trong năm Công ty thu được khoản lãi trái phiếu là 129.000.000 VND.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư phần sở hữu tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

* 1. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

* 1. **Các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính dưới 12 tháng, kể từ tháng đưa vào sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian sử dụng ước tính từ 12 tháng đến 36 tháng, kể từ tháng đưa vào sử dụng. Riêng các công cụ dụng cụ là giá trị còn lại của các tài sản có nguyên giá không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng, kể từ tháng 6 năm 2013

* 1. **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí phải trả khác.

Chi phí phải trả bao gồm là chi phí tiền điện, nước, cước điện thoại và phí nhập hàng thực tế phát sinh nhưng đến thời điểm 31/12/2013 chưa thanh toán.

* 1. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2013 bao gồm vốn góp của các cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung.

Căn cứ theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ (MAC) ngày 03/5/2013 thông qua phương án phân chia thặng dư vốn cổ phần. Tỷ lệ phân chia: 12% cho cổ đông hiện hữu, số còn lại là cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty. Việc thực hiện phương án này đã được hoàn tất vào tháng 01/2014.

* 1. **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

+Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

* Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ; và
* Doanh thu tài chính khác.
  1. **Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm lãi tiền vay và chi phí tài chính khác. Cụ thể:

* Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
* Chi phí tài chính khác là lãi chậm nộp bảo hiểm ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và lãi chậm thanh toán tiền hàng ghi nhận theo thoả thuận tại hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
* Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích theo quy định.
* Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản chi phí từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
  1. **Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Trong năm 2013, Công ty không có thu nhập tính thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

* 1. **Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

* 1. **Bên liên quan**

Công ty góp 55% vốn điều lệ của Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco và Công ty ủy quyền quyền kiểm soát cho bên đối tác. Theo đó, các giao dịch với Công ty này được coi là giao dịch với bên liên quan.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban giám đốc.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

1. **TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**



1. **ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**



1. **DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

****

1. **CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**



1. **HÀNG TỒN KHO**



1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

****

1. **TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**­­­**

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

****

(\*) Giảm khác là kết chuyển sang khoản mục chi phí trả trước dài hạn và khoản mục chi phí xây dựng cơ bản với giá trị còn lại tương ứng kết chuyển là 337.339.018 VND và 319.408.150 VND.

1. **TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

****

1. **CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

****

**(\*) Chi tiết như sau:**

****

1. **CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN­­**



(**\*) Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:**



1. **DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

****

1. **VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

****

Nợ dài hạn đến hạn trả xem chi tiết tại thuyết minh số 21.

1. **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

****

1. **CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

****

1. **CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

****

1. **VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

****

**(\*):** Số dư vay tại 31/12/2013 là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay vốn số 1370/2012/HĐCV ngày 07/01/2013.

* Gốc tiền vay: 270.000.000 VND.
* Mục đích vay: Mua xe ôtô tải 2,5-3,5 tấn phục vụ hoạt động kinh doanh.
* Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau ( mức cao nhất niêm yết công bố của MSB hiện tại là 11,75%/năm) cộng biên độ 4,25%/năm.
* Thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cho vay.
* Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.
* Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tải hình thành từ vốn vay hiệu THACO HD65-LMBM, thuộc sở hữu của bên vay.
* Dư nợ gốc VND tại 31/12/2013: 180.000.000 VND.
* Số phải trả năm 2014: 90.000.000 VND.

1. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND



Khoản giảm của quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN



CỔ PHIẾU



LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI



1. **DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

****

1. **GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

****

1. **DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**



1. **CHI PHÍ TÀI CHÍNH**



1. **LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

****

1. **CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

****

1. **CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

****

1. **LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

****

1. **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Tháng 01 năm 2014 Công ty đã ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu căn cứ vào: Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số thay đổi lần thứ hai ngày 23/01/2014 xác nhận số cổ phiếu lưu ký sau khi tăng vốn là 6.333.123 cố phiếu tương đương 63.331.230.000 VND và căn cứ vào Công văn số 135/UBCK-QLPH ngày 10/01/2014 của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

1. **THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

****

****

****

1. **BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: hoạt động sửa chữa tàu biển, hoạt động sửa chữa cơ khí, phương tiện bộ , hoạt động khai thác bãi container , hoạt động khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2013**

**Kết quả kinh doanh năm 2013**

****

1. **CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

****

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

* **Rủi ro thị trường**
* *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng Yên Nhật (JPY).



* *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2013, lãi suất của các khoản vay trung và dài hạn đã được cố định ở mức 11,75 %/năm (biên độ dao động 4,75%/năm) cho tới ngày thanh toán, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất.

* **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

* *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.



Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trính lập dự phòng phải thu theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

****

* **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

1. **THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng và được trình bày lại các chỉ tiêu trong Thuyết minh của khoản mục Tài sản cố định hữu hình, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho phù hợp với số liệu trên Báo cáo tài chính năm hiện hành.

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 03 năm 2014*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | | **Giám đốc** |
|  | |
| **Nguyễn Thị Vân** | **Trần Thanh Nhàn** | | **Nguyễn Văn Cường** |

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải./.

*Hải Phòng, ngày 18 tháng 04 năm 2014*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty** |